TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày: 22-04-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn, ông Giáp Văn Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 03 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn S**, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 09/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Vi Văn Ch (Đã chết) và con bà Đàm Thị Ph, sinh năm 1964; Có vợ là Hoàng Thị S1, sinh năm 1989 và có 02 con (Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Triệu Văn T**, sinh năm 1982; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Không đi học; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Triệu Văn Th1 (Đã chết) và con bà Phùng Thị S2, sinh năm 1964; Có vợ là Hoàng Thị Ngh, sinh năm 1984 và có 01 con, sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 09/12/2019 đến ngày 15/12/2019, được thay thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo:

Bà Thân Thị Thúy Vân, ông Thân Văn Lợi trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thu Th, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện Ư, Thành phố H.

2. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T1 - Sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/12/2019, bị cáo Vi Văn S điện thoại rủ bị cáo Triệu Văn T đi lên cửa khẩu Đ, tỉnh Lạng Sơn giáp với biên giới Việt Nam và Trung Quốc mua pháo hoa về đốt chơi Tết, T đồng ý. Cả hai hẹn gặp nhau ở dốc thôn C, xã S. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98E1-883.36 mang theo 01 chiếc ba lô đi ra dốc thôn C, còn T cũng mang theo 01 chiếc ba lô và bảo vợ mình là chị Hoàng Thị Ngh chở ra dốc thôn C gặp S. Sau khi gặp nhau, S điều khiển xe mô tô chở T đi lên tỉnh Lạng Sơn, khoảng 19 giờ cùng ngày thì đến khu vực cửa khẩu Đ, tỉnh Lạng Sơn. Tại đây T và S thống nhất với nhau mỗi người bỏ ra số tiền 1.000.000 đồng để mua pháo, mua được pháo thì mang về chia nhau mỗi người một nửa. Do không mang theo tiền nên T đã vay của S 1.000.000 đồng để mua pháo, S đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng gồm 1.000.000 đồng của S và 1.000.000 đồng T vay của S. Sau đó T một mình điều khiển xe mô tô đi mua pháo, còn S đi thuê nhà trọ ngủ đợi T. T điều khiển xe mô tô của S đi đến khu vực biên giới Việt Nam giáp đất Trung Quốc rồi vào một cửa hàng có 02 vợ chồng không quen biết ở trên đất Việt Nam mua 18 bệ pháo, mỗi bệ là một khối hình hộp có kích thước 14 x 14 x 15cm, mỗi khối có 36 vật hình trụ được liên kết với nhau bằng dây dẫn được bọc bằng giấy cát tông, bên ngoài đựng bằng bao tải màu xanh hết tổng số tiền 1.800.000 đồng, còn lại số tiền

200.000 đồng, T để chi phí đi lại trên đường. Sau khi mua được pháo, T chở pháo theo đường cũ về. Khoảng 06 giờ ngày 09/12/2019 khi về đến đoạn đường nhựa gần chợ Đ, tỉnh Lạng Sơn thì T gọi điện thoại cho S ra, S đi ra chỗ T rồi hai người chia số pháo T mua được sang ba lô và túi xách gồm 01 chiếc ba lô màu xanh của T đựng 05 bệ pháo, 01 chiếc ba lô S nhặt được ở nhà trọ mang ra đựng 02 bệ, 01 chiếc ba lô của S đựng 05 bệ, còn 06 bệ S và T vẫn để ở chiếc bao tải màu xanh. Sau đó S điều khiển xe mô tô chở T cùng số pháo mua được đi về nhà. Khi đi đến đoạn đường thuộc dốc đèo Q thuộc xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì S dừng xe mô tô để đổi cho T điều khiển chở S và số pháo mua được về nhà. Lúc này S ngồi phía sau đeo chiếc ba lô của S bên trong có 05 bệ pháo và một số giấy tờ của S gồm giấy đăng ký xe mô tô, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mô tô. Khi T điều khiển xe mô tô chở S và số pháo đi về đến đoạn đường thuộc thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì bị tổ công tác của Công an huyện Lục Ngạn yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Khi bị dừng xe thì S đã đeo chiếc ba lô bên trong có 05 bệ pháo và một số giấy tờ của S bỏ chạy, trên đường bỏ chạy S đã vất chiếc ba lô vào rìa đường, còn T thì bị bắt quả tang. Kiểm tra 01 bao tải dứa màu xanh và 02 ba lô trên xe mô tô của T phát hiện bên trong có tổng cộng 13 khối hình hộp, mỗi khối có 36 vật hình trụ được liên kết với nhau bởi dây dẫn nghi là pháo nổ. Tiến hành cân xác định tổng trọng lượng của 13 khối hình hộp thu giữ nêu trên là 18 kg. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong toàn bộ số vật chứng nghi là pháo nổ nêu trên vào thùng cát tông đồng thời tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Triệu Văn T. Thu giữ số vật chứng ghi là pháo nổ đã được niêm phong và 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc nhãn hiệu Itel và 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA. Sau đó tổ công tác đã đưa T cùng toàn bộ tang vật về trụ sở Công an huyện Lục Ngạn để làm việc. Cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại thôn C, xã S. Quá trình khám xét không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của T.

Ngày 10/12/2019, Vi Văn S đã đến Công an huyện Lục Ngạn đầu thú, cùng ngày cơ quan điều tra đã ra Lệnh khám xét nơi ở của S tại Thôn C, xã S, huyện L. Quá trình khám xét không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của S.

Cùng ngày 10/12/2019, cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số vật chứng nghi là pháo nổ đã thu giữ. Tại Kết luận giám định số 09/KL-PC09 ngày 12/12/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: *"Mẫu vật gửi giám định đều chứa thuốc pháo. Khi đốt đều gây ra tiếng nổ"*.

Ngày 17/12/2019, Vi Văn S đã giao nộp cho cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, có số IMEI 355.205.057.027.837.

Từ những nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 24/CT-VKS-LN ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Triệu Văn T, Vi Văn S về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn T, Vi Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà đã phân tích nội dung, tính chất của vụ án, mức độ hành vi của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T, Vi Văn S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Triệu Văn T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/12/2019 đến ngày 15/12/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Vi Văn S từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Triệu Văn T, Vi Văn S.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 11 (mười một) bệ pháo, mỗi bệ pháo có kích thước (14x14x15) cm, mỗi bệ có 36 vật hình trụ được liên kết với nhau bằng dây dẫn; 01 (một) biển số xe mô tô số 98E1-883.36; 01 (một) bao tải màu xanh; 01 (một) ba lô màu xanh; 01 ba lô màu đỏ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen Imei 1: 358.625.101.721.647 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám số seri: 355.205.057.0027.837 đã qua sử dụng.

Về án phí: Miễn cho các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, người bào chữa cho các bị cáo trình bày: Nhất trí với bản Cáo trạng và bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như tội danh của hai bị cáo. Gia đình bị cáo Triệu Văn T đang thờ cùng liệt sỹ, bị cáo là người dân tộc sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được đi học nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Vi Văn Sĩ sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cả hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt hai bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo đều nhất trí với lời trình bày của người bào chữa cho mình và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Kiểm sát viên đối đáp: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo cũng như tình trạng mua bán vận chuyển pháo nổ trên địa bàn huyện Lục Ngạn đang có chiều hướng ngày càng gia tăng về số lượng và tính chất. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt các bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù là không đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Triệu Văn T thì đại diện Viện kiểm sát không nhất trí áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và giữ nguyên mức hình phạt đề xuất.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Triệu Văn T, bị cáo Vi Văn S nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo Vi Văn S xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và được hưởng án treo. Bị cáo Triệu Văn T xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm quay về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên

bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: "Hồi 09 giờ 30 phút ngày 09/12/2019, tại thôn H, xã T, huyện L, Triệu Văn T và Vi Văn S đang có hành vi vận chuyển hàng cấm là 13 bệ pháo nổ, có tổng trọng lượng là 18kg thì bị tổ công tác của Công an huyện Lục Ngạn phát hiện bắt quả tang, tuy nhiên khi bị bắt thì chỉ bắt giữ được Triệu Văn T còn Vi Văn S bỏ chạy, đến ngày 10/12/2019 S ra đầu thú. Mục đích các bị cáo vận chuyển số pháo nổ trên là để mang về nhà đốt chơi Tết".

Các bị cáo đều là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển, buôn bán hàng cấm. Đặc biệt là pháo nổ đã, đang và sẽ tiếp tục là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội bởi hệ lụy mà pháo nổ gây ra không chỉ gây nguy hiểm cao độ đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng đến kinh tế, sự an toàn tài sản của công dân, nhà nước. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước trong quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, vì vậy, mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán pháo nổ đều phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều có nhân thân

tốt nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Văn S sau khi phạm tội ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn T khai gia đình bị cáo đang thờ cúng bác ruột là liệt sĩ; Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng cho bị cáo T được hưởng tình tiết trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không có tài liệu nào chứng minh gia đình bị cáo đang thờ cúng liệt S, đây không phải tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này bị cáo Vi Văn S là người rủ bị cáo T đi T mua pháo, bị cáo T là người hưởng ứng ngay và rất tích cực trong vụ án, chính bị cáo là người trực tiếp đi giao dịch mua pháo nổ về. Do vậy các bị cáo có vai trò như nhau trong vụ án.

Đối với bị cáo Triệu Văn T mặc dù lần phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với bị cáo Vi Văn S, mặc dù có vai trò như bị cáo T, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo có ấn định thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tội phạm này có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền, nhưng xét thấy các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền. Do vậy miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với vợ chồng người đã bán pháo cho bị cáo T. Quá trình điều tra T khai không quen biết, không biết tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với chị Hoàng Thị Ngh là vợ bị cáo T đã chở ra T ra dốc thôn C gặp S. Quá trình điều tra xác định khi chở T đi thì T nói là đi làm ăn, chị Ngh không

biết T đi mua pháo nổ. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn không xử lý đối với chị Ngh là có căn cứ.

[10] Đối với chiếc xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 98E1-883.36 Vi Văn S khai cầm cố của 02 thanh niên lạ mặt sau khi xác minh chiếc xe trên đăng ký biển số là 29Y3-483.38, chủ xe là Nguyễn Thu Th, sinh năm 1990, địa chỉ xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, Thành phố Hà Nội, số máy JA39E035043; số khung RLHJA3821GY162496. Ngày 20/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Nguyễn Thu Th là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ.

Đối với việc anh Phạm Ngọc T (chồng chị Nguyễn Thu Th) khai báo bị mất chiếc xe mô tô trên, Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 biển số xe mô tô số 98E1-883.36 là vật chứng không có giá trị sử dụng; 11 bệ pháo nổ còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, vận chuyển; 01 bao tải dứa màu xanh; 01 ba lô màu xanh; 01 ba lô đỏ là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel của Triệu Văn T, 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Vi Văn S là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Nokia của bị cáo Triệu Văn T không liên quan đến việc phạm tội nhưng bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu sung công.

[9] Về án phí: Các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nên miễn cho các bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Triệu Văn T;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vi Văn S;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn T, Vi Văn S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/12/2019 đến ngày 15/12/2019. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Xử phạt bị cáo Vi Văn S 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Giao bị cáo Vi Văn S cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 11 (mười một) bệ pháo, mỗi bệ pháo có kích thước (14x14x15) cm, mỗi bệ có 36 vật hình trụ được liên kết với nhau bằng dây dẫn; 01 (một) biển số xe mô tô số 98E1-883.36; 01 (một) bao tải màu xanh; 01 (một) ba lô màu xanh; 01 (một) ba lô màu đỏ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen số Imei 1: 358.625.101.721.647 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xám số seri: 355.205.057.0027.837 đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Bị cáo Vi Văn S, Triệu Văn T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Công an huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Nhường